TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2026/DS-PT
Ngày: 16 - 3 - 2026
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản, quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 371/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản, quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2026/QĐPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:**

1/. Bà Trần Thị B, sinh năm 1948 (vắng mặt).

2/. Bà Cao Ngọc L, sinh năm 1979 (vắng mặt).

3/. Anh Cao Hoài Đ, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ).

4/. Bà Cao Ngọc N1 (Kao Y), sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số F, Lầu G, Ngõ G, phường T, thôn Đ, xã N, huyện Đ, Đài Loan.

Địa chỉ tạm trú: số C ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ).

Đại diện hợp pháp của bà B, bà L, bà N1, anh Đ: Ông Phạm Nguyễn Nhật N2, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1, T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ). (Văn bản ủy quyền ngày 18-31/7/2023)

Đại diện theo ủy quyền của bà B, bà N1: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: A CMT8, khu V, phường B, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1/. Bà Trần Thị B1, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ).

2/. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ G, thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa).

3/. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

3.1/. Anh Nguyễn Đức L1, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: 7 T, tổ số B, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa).

3.2/. Anh Nguyễn Kim T1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: số E N, khòm P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa).

4/. Ông Nguyễn Anh T2 (Nguyễn Văn N3), (chết năm 2018).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

4.1/. Ông Trần Bảo C1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ).

Có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Nguyễn Nhật N2 (vắng mặt); Nơi ở hiện tại: số D, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

4.2/. Ông Trần Trung Đ1 (vắng mặt)

4.3/. Bà Trần Bích T3 (vắng mặt)

4.4/. Bà Trần Cẩm V (vắng mặt)

4.5/. Ông Trần Anh S (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ).

5/. Bà Nguyễn Thị M (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: số F, Â, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường R, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị M1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: C, lầu B, chung cư M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ). (văn bản ủy quyền ngày 24/6/2023)

6/. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện hợp pháp của ông D1: Ông Phạm Nguyễn Nhật N2, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1, T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ). (Văn bản ủy quyền ngày 03/8/2023)

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị B, bà Cao Ngọc L, ông Cao Hoài Đ, bà Cao Ngọc N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 09/10/2022, yêu cầu độc lập bổ sung tháng 03/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B, bà Cao Ngọc L, bà Cao Ngọc N1, ông Cao Hoài Đ trình bày:

Nguồn gốc phần đất thửa 516 diện tích hai công tầm lớn khoảng 2600m^2 đất 2L, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ, trước đây của ông Cao Văn T5 (ông T5 có 05 người con gồm: Cao Văn M2, Cao Văn T6 (Nguyễn Văn T7), Cao Thị H, Cao Thị T8, Cao Thị C2)

Khi ông T5 còn sống đã cho con là ông Cao Văn M2 canh tác sử dụng 02 công tầm lớn thuộc thửa 516 (việc cho này có bà con thân tộc biết bà Cao Thị H là con ông T5 làm chứng).

Sau đó, ông M2 cho lại con là Cao Văn T9 canh tác từ năm 1990 đến năm 1994. Do điều kiện kinh tế khó khăn, phải đi làm thuê xa nên ông T9 mới để lại cho ông T7 thuê canh tác từ năm 1994. Tuy nhiên, ông T7 không trả tiền thuê đất như thỏa thuận, sau đó ông T7 tự đi kê khai xin cấp quyền sử dụng đất của gia đình ông T9 mà gia đình ông T9 không biết. Do ông T7 không trả tiền thuê đất nên các ông bà đòi lại đất thì mới biết ông T7 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi ông T7 chết, ông M2 có thưa đòi lại 02 công đất này và được giải quyết ở địa phương nhưng không thành do ông T7 không đồng ý trả lại đất. Sau đó ông Cao Văn M2 mất, các con còn nhỏ, điều kiện kinh tế khó khăn phải đi làm ăn xa nên chưa thực hiện việc kiện ra tòa để đòi lại phần đất này. Do phần đất tranh chấp ông Nguyễn Văn Q đang quản lý nên các ông bà yêu cầu độc lập như sau:

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00291 do UBND huyện C (nay là huyện T) cấp ngày 02/12/2005 đứng tên ông Nguyễn Văn T7 và yêu cầu công nhận cho nguyên đơn phần đất đang tranh chấp có diện tích 157m^2 đất thuộc một phần thửa 528, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ cho nguyên đơn.

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00292 do UBND huyện C (nay là huyện T) cấp ngày 02/12/2005 đứng tên ông Nguyễn Văn T7 liên và yêu cầu công nhận cho nguyên đơn phần đất đang tranh chấp có diện tích 2600m^2 đất 2L thuộc thửa 516, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ cho nguyên đơn.

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2022, khởi kiện bổ sung ngày 26/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Trước đây vào khoảng năm 1950, cha mẹ ông Q là ông Nguyễn Văn T7 và

bà Nguyễn Thị V1 có tạo lập được một số tài sản là quyền sử dụng đất gồm các thửa 516 và 528, tổng diện tích là 14,401m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Tất cả các thửa đất trên đều do ông Nguyễn Văn C3 đứng tên.

Cha mẹ ông Q có tất cả 05 người con: 1/ Bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1952, 2/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955, 3/ Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1964, 4/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972, 5/ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1960. Khi cha mẹ còn sống có cho ông Q và ông D1 mỗi người một phần đất của thửa 516 cụ thể như sau: phía đầu ngoài tiếp giáp kênh thủy lợi chiều ngang khoảng 38m ông Q và ông D1 mỗi người được sử dụng một nữa chiều ngang, phần chiều dài ông Q được sử dụng đến hết thửa đất khoảng 242m, còn chiều dài của ông D1 được sử dụng khoảng 206m và chiều ngang đầu trong là khoảng 23m, Tổng diện tích ông D1 được sử dụng khoảng 4000m^2, tổng diện tích còn lại ông Q sử dụng khoảng 5200m^2. Tại thửa 528, ông Q và ông D1 sử dụng đều có cắm ranh mốc ổn định nên ông Q yêu cầu chia thừa kế theo quy định.

Đối với phần đất trên, ông Q và ông D1 đang sử dụng ổn định có cắm ranh mốc nhưng khi ông Q yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc để đăng ký cấp giấy và thừa kế thì ông D1 không ký giáp ranh, không ký khai nhận di sản thừa kế nên không thực hiện các thủ tục liên quan. Đến ngày cha mẹ ông Q mất không để lại di chúc, nay ông Q yêu cầu giải quyết:

- Công nhận phần đất khi cha mẹ còn sống đã cho ông Q phía đầu ngoài giáp Kênh thủy lợi 19m, chiều ngang đầu trong có kích thước khoảng 47m, chiều dài khoảng 242m tổng diện tích khoảng 5200m^2, thuộc thửa 516 (kích thước cụ thể theo bản mô tả ranh giới, mốc giới ngày 29/9/2020)

- Yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật thửa đất số 528, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Buộc ông Nguyễn Văn D1 phải có trách nhiệm tạo điều kiện để ông Q được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà cha mẹ đã cho ông Q khi còn sống.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn D1 trình bày: Cha ông tên Nguyễn Văn T7 (chết ngày 13/6/2018), mẹ là nguyễn Thị V1 (chết ngày 12/12/2006). Cha mẹ ông D1 có 7 người con:1/ Nguyễn Thị B2, sinh năm 1952, 2/ Nguyễn Thị C (chết ngày 05/11/2016), bà C có 01 người con tên Nguyễn Kim T1, không rõ địa chỉ vì không liên lạc được, 3/ Nguyễn Văn Q, 4/ Nguyễn Văn D1, 5/ Nguyễn Văn D, 6/ Trần

Anh T10 (Nguyễn Văn N3) đã chết, có các con: Trần Anh S, Trần Bảo C1, Trần Văn Đ2, Trần Bích T3, Trần Cẩm V, 7/ Nguyễn Thị M (chết ngày 13/9/2014), bà M có con là Nguyễn Thị T4.

Cha mẹ ông chết có để lại 01 căn nhà và đất vườn, đất ruộng ở ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Hiện nay, ông và ông Q mỗi người sử dụng một phần, riêng căn nhà thì gia đình ông Q đang quản lý. Cha mẹ ông chết không để lại di chúc nhưng ông không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của ông Q vì: Năm 1996, cha ông có cho ông 03 công đất, ông đang sử dụng. Phần đất ông Q sử dụng thì cha mẹ cho ông Q 01 công, phần còn lại ông D1 từ chối nhận và yêu cầu Tòa án chia cho các chị em khác.

Bà Nguyễn Thị B2 trình bày: Bà B2 là con ruột của ông Nguyễn Văn T7 và bà Nguyễn Thị V1. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà chia cho cha mẹ của bà. Nay bà yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật. Bà yêu cầu nhận 01 phần đất thổ cư. Bà không thống nhất với yêu cầu của bà B, bà N1, bà L và ông Đ.

Ông Trần Bảo C1 trình bày: Ông là con ruột của ông Nguyễn Văn N3 (Trần Anh T10) và mẹ là Nguyễn Thị H1. Cha ông chết năm 2018, có 05 người con: Trần Bảo C1, Trần Trung Đ1, Trần Bích T3, Trần Cẩm V, Trần Anh S. Tất cả có hộ khẩu tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, hiện nay do đi làm ăn xa nên anh em ông thỉnh thoảng mới về nhà. Ông là cháu nội của ông Nguyễn Văn T7. Đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Q thì ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp theo quy định của pháp luật mà ông được hưởng di sản thừa kế thì ông nhận, ông không có yêu cầu gì khác.

Tại Tờ trình ngày 21/11/2022 bà Nguyễn Thị T4 trình bày: Ông N4 bà là Nguyễn Văn T7 (sinh năm 1923, chết ngày 13/6/2018), có tạo lập được quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 2.850m^2, thuộc thửa 528 và diện tích 11.551m^2 thuộc thửa 516, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/12/2005. Khi ông ngoại mất, không để lại di chúc, căn cứ theo Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà được hưởng thừa kế thế vị phần di sản của ông Nguyễn Văn T11. Nay, bà T4 đề nghị xem xét đưa bà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện để bà tiến hành thỏa thuận và làm rõ các vấn đề tranh chấp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thắm K bị xâm phạm.

Người làm chứng:

Bà Cao Thị H trình bày: Nguồn gốc đất của ông Q và ông D1 đang tranh chấp do cha mẹ bà là ông Cao Văn T5 và bà Trần Thị N5 để lại cho ông T7. Sau đó ông T7 cho ông M2 02 công. Vì bà có tới lui thăm anh em nên thấy ông M2

canh tác một thời gian, con ông M2 có nói với bà là ông T7 cho. Vì con ông M2 không biết canh tác nên giao đất lại cho ông T7 canh tác và thỏa thuận ông T7 đong gạo cho con ông M2. Ngoài ra theo bà biết thì lúc còn sống ông T7 có chia đất cho các con canh tác, ông D1 03 công, ông Q 02 công.

Ông Hồ Anh K1, ông Nguyễn Văn K2 trình bày: Nguồn gốc đất ông Q và ông D1 tranh chấp do cha mẹ ông T7 để lại cho gia đình ông T7 (ông T7 là cha ruột ông D1 và ông Q). Ông T7 có cho ông M2 02 công và 01 nền nhà thổ cư. Do ông canh tác đất ruộng gần đất ông T7, có thời gian thấy ông M2 canh tác thì có hỏi và ông M2 cho rằng ông T7 cho 02 công đất và 01 nền thổ cư. Ông M2 canh tác khoảng từ năm 1976 -1978 thì ông M2 đi ghe, sau đó giao lại cho con ông M2 canh tác, được vài năm thì làm ruộng thất mùa nên con ông M2 cũng bỏ đi. Sau đó ông T7 lấy đất lại cho thuê và lấy tiền thờ cúng ông bà. Theo ông biết lúc còn sống ông T7 có chia đất cho các con canh tác, ông D1 03 công, ông Q 02 công.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 26, Điều 100, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B, bà Cao Ngọc L, bà Cao Ngọc N1, ông Cao Văn Đ3 về việc:

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00291 do UBND huyện C (nay là huyện T) cấp ngày 02/12/2005 đứng tên ông Nguyễn Văn T7 và yêu cầu công nhận cho nguyên đơn phần đất đang tranh chấp có diện tích 157m^2 đất thuộc một phần thửa 528, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ cho nguyên đơn.

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00292 do UBND huyện C (nay là huyện T) cấp ngày 02/12/2005 đứng tên ông Nguyễn Văn T7 liên và yêu cầu công nhận cho nguyên đơn phần đất đang tranh chấp có diện tích 2600m^2 đất 2L thuộc thửa 516, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ cho nguyên đơn.

2/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với diện tích 2.850m^2, thửa đất 528, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ và buộc ông Nguyễn

Văn D1 phải có trách nhiệm tạo điều kiện để ông Q được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà cha mẹ đã cho ông Q diện tích khoảng 5200m^2, thuộc thửa 516, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3/. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn D1 về việc yêu cầu công nhận diện tích 3000m^2, thuộc thửa 516, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2025, các ông/bà Trần Thị B, Cao Ngọc L, Cao Hoài Đ, Cao Ngọc N1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận phần diện tích đất 165,2m^2 thuộc thửa 528 và 02 công đất ruộng diện tích 2.600m^2 thuộc thửa 516 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B, Cao Ngọc N1 là bà Phạm Thị T vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 của ông T7 thể hiện nguồn gốc đất là đất gốc, tức đất do ông bà để lại. Ông T5 bà N6 không có để lại di chúc cho ông T7, nên việc ông T7 tự kê khai đăng ký đất là không đúng, ảnh hưởng quyền lợi của người thừa kế khác là ông M2. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông M2 đã có đơn khiếu nại nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T7 là không đúng. Nếu ông M2 không được chia đất thì không có lý do gì vợ con ông M2 lại canh tác đất suốt 5 năm. Những người làm chứng cũng xác định trước đây ông T5 có cho ông M2 phần đất tranh chấp, ông T7 có làm biên bản cắm mốc. Tại cấp sơ thẩm, ông Q cũng đồng ý chia đất cho nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Cao Ngọc L và anh Cao Hoài Đ (do anh Phạm Nguyễn Nhật N2 đại diện theo ủy quyền) vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh

cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các ông/bà Trần Thị B, Cao Ngọc L, Cao Hoài Đ, Cao Ngọc N1 làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Cao Ngọc L và anh Cao Hoài Đ và đại diện theo ủy quyền là anh Phạm Nguyễn Nhật N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, bà Cao Ngọc L và anh Cao Hoài Đ có cùng yêu cầu và nội dung kháng cáo với nguyên đơn khác là Trần Thị B và Cao Ngọc N1 nên để đảm bảo quyền lợi cho bà L và anh Đ, Hội đồng xét xử không đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà L và anh Đ mà sẽ xem xét các kháng cáo này trong quá trình giải quyết kháng cáo của bà B và bà N1.

Đối với bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q và yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn D1 về việc chia thừa kế đối với thửa đất 528 và thửa đất số 516, cùng thuộc tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ: Quá trình xét xử sơ thẩm, ông Q, ông D1 đã rút lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q, yêu cầu phản tố của ông D1; đồng thời thay đổi tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu của các ông/bà Trần Thị B, Cao Ngọc L, Cao Hoài Đ, Cao Ngọc N1 về việc đề nghị công nhận quyền sử dụng đối với phần diện tích đất 165,2m^2 thuộc thửa 528 và diện tích 2.600m^2 thuộc thửa 516:

Nguyên đơn bà Trần Thị B, bà Cao Ngọc L, ông Cao Hoài Đ, bà Cao Ngọc N1 cho rằng diện tích đất tranh chấp nêu trên trước đây do ông Cao Văn T5 (cha của ông Cao Văn M2, Cao Văn T6) quản lý, sử dụng; lúc còn sống, ông T5, bà

N6 là cha mẹ của ông T6, ông M2 đã cho ông M2 canh tác 02 công tầm lớn, tương ứng diện tích 2.600m^2 thuộc thửa 516 từ những năm 1990 – 1994; ngoài ra, sau khi ông T6 đăng ký kê khai quyền sử dụng đất thì ông T6 có cho ông M2 01 nền nhà, tương ứng diện tích đất 165,2m^2 thuộc thửa 528 hiện nay. Xét thấy, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được ông T5, bà N6 cho đất cũng như việc ông T6 cam kết giao 02 công đất lúa và 01 nền nhà cho ông M2 như phía nguyên đơn trình bày.

Người làm chứng ông Hồ Anh K1, ông Nguyễn Văn K2 cho rằng T6 có cho ông M2 02 công và 01 nền nhà thổ cư và ông M2 canh tác khoảng từ năm 1976 -1978 là mâu thuẫn với lời khai của bà Trần Thị B, bà Cao Ngọc L, bà Cao Ngọc N1, ông Cao Văn Đ3 về nguồn gốc đất, mốc thời gian ông T6 cho đất ông M2. Bà Cao Thị H cho rằng ông T6 cho đất ông M2, nhưng gia đình ông M2 chỉ sử dụng một thời gian thì trả lại để ông T6 canh tác, ông T6 đong gạo cho con ông M2 nhưng không thực hiện. Xét thấy, lời khai của những người làm chứng có sự mâu thuẫn với nhau, mâu thuẫn với lời trình bày của nguyên đơn; đồng thời cả nguyên đơn và người làm chứng đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên những lời làm chứng trên không đảm bảo tính chính xác, có căn cứ để xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh quá trình thực tế quản lý, sử dụng đất; không thực hiện đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Trong khi đó, nguyên đơn và các anh chị em khác trong gia đình đều thống nhất xác định thửa đất số 516, 528 do gia đình ông Cao Văn T6 trực tiếp quản lý, sử dụng liên tục từ trước đến nay. Theo sổ mục kê và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu cho ông T6 vào ngày 15/7/1991 thể hiện ông T6 là người thực hiện thủ tục đăng ký kê khai và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm này, ông T5 vẫn còn sống nhưng ông T5 không có ý kiến phản đối, tranh chấp. Quá trình gia đình ông T6 đăng ký kê khai, trực tiếp quản lý, sử dụng đất liên tục trong một thời gian dài, phía gia đình nguyên đơn cũng không có tranh chấp, khiếu nại; cho đến khi giữa các con của ông T6 (ông Q và ông D1) phát sinh tranh chấp về thừa kế, phía nguyên đơn tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì mới có yêu cầu độc lập đề nghị được công nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được tặng cho quyền sử dụng đất; không có quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, liên tục trên thực tế; không thực hiện kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất bằng một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn về việc công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của các nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các ông/bà Trần Thị B, Cao Ngọc L, Cao Hoài Đ, Cao Ngọc N1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của các ông/bà Trần Thị B, Cao Ngọc L, Cao Hoài Đ, Cao Ngọc N1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các ông/bà Trần Thị B, Cao Ngọc L, Cao Hoài Đ, Cao Ngọc N1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 1.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000688 ngày 27/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ) vào phần án phí phải chịu; đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng